HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 /2017/NQ-HĐND	*Bù Gia Mập, ngày 20 tháng 12 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Bù Gia Mập

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 27/12/2016 của Hội đồng nhân dân huyện thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Bù Gia Mập;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Bù Gia Mập;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 08/12 /2017; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-HĐND-KTXH ngày 08/12/2017 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND-PC ngày 08/12/2017 của Ban Pháp chế hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện nhất trí thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Bù Gia Mập, cụ thể như sau:

I. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh: 480.354 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương: **55.900 triệu đồng.**

Trong đó:

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 32.000 triệu đồng.
- Vốn các chương trình mục tiêu: 23.900 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách địa phương: **424.454 triệu đồng.**

Trong đó:

- Vốn phân cấp huyện quản lý: 199.000 triệu đồng.

+ Vốn cân đối theo tiêu chí: 99.000 triệu đồng.

+ Vốn thu tiền sử dụng đất: 100.000 triệu đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh: 225.454 triệu đồng.

+ Vốn đầu tư trong cân đối: 11.970 triệu đồng.

+ Vốn sử dụng đất: 3.000 triệu đồng.

+ Vốn xổ số kiến thiết: 89.684 triệu đồng.

+ Vốn vay kiên cố hóa kênh mương: 37.800 triệu đồng.

+ Vốn hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và Doanh nghiệp: 83.000 triệu đồng.

II. Phương án phân bổ:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công phân bổ cho kế hoạch trung hạn 2016-2020 của huyện là: 467.129 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương: **55.900 triệu đồng.**

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 32.000 triệu đồng.
- Vốn các chương trình mục tiêu: 23.900 triệu đồng.

2. Vốn ngân sách địa phương: **410.410 triệu đồng.**

- Vốn phân cấp huyện quản lý: 184.956 triệu đồng.

+ Vốn cân đối theo tiêu chí: 92.578 triệu đồng.

+ Vốn thu tiền sử dụng đất: 92.378 triệu đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh: 225.454 triệu đồng.

+ Vốn đầu tư trong cân đối: 11.970 triệu đồng.

+ Vốn sử dụng đất: 3.000 triệu đồng.

+ Vốn xổ số kiến thiết: 89.684 triệu đồng.

+ Vốn vay kiên cố hóa kênh mương: 37.800 triệu đồng.

+ Vốn hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và Doanh nghiệp: 83.000 triệu đồng.

III. Nguồn dự phòng 14.044 triệu đồng bố trí chương trình xây dựng nông thôn mới.

(Kèm theo Bảng tổng hợp, biểu số: 01, 02)

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 27/12/2016 và Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân huyện.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao thường trực HĐND, các Ban của Hội đồng nhân huyện, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Gia Mập khóa III, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực, từ ngày 26 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:
- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở KH&ĐT, Sở Tư pháp;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQ VN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- ĐB.HĐND, UV.UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Đài Truyền thanh huyện;
- HĐND và UBND các xã;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Quang Ty

BẢNG TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 20/ 12/2017 của HĐND huyện)

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)			Kế hoạch điều chỉnh			Chênh lệch (6-3)
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Phân bổ chi tiết	Dự phòng		Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng số		**457.384**	**443.340**	**14.044**	**480.354**	**466.310**	**14.044**	**22.970**
I	**Vốn ngân sách địa phương**	**401.484**	**387.440**	**14.044**	**424.454**	**410.410**	**14.044**	**22.970**
1	***Vốn phân cấp huyện quản lý***	***179.000***	***164.956***	***14.044***	***199.000***	***184.956***	***14.044***	***20.000***
1.1	Vốn cân đối theo tiêu chí	99.000	92.578	6.422	99.000	92.578	6.422	-
1.2	Vốn thu tiền sử dụng đất	80.000	72.378	7.622	100.000	92.378	7.622	20.000
2	***Vốn ngân sách tỉnh***	***222.484***	***222.484***	-	***225.454***	***225.454***	-	***2.970***
2.1	Vốn đầu tư trong cân đối	9.000	9.000	-	11.970	11.970	-	2.970
2.2	Vốn sử dụng đất	-	-	-	3.000	3.000	-	3.000
2.3	Vốn xổ số kiến thiết	89.684	89.684	-	89.684	89.684	-	-
2.4	Vốn vay kiên cố hóa kênh mương	37.800	37.800	-	37.800	37.800	-	-
2.5	Vốn Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh và Doanh nghiệp	86.000	86.000	-	83.000	83.000	-	(3.000)
II	**Vốn ngân sách Trung ương**	**55.900**	**55.900**	**-**	**55.900**	**55.900**	-	**-**
1	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	32.000	32.000	-	32.000	32.000	-	-
1.1	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	-
1.2	Vốn chương trình giảm nghèo bền vững	12.000	12.000	-	12.000	12.000	-	-
2	Vốn các chương trình mục tiêu	23.900	23.900	-	23.900	23.900	-	-

Biểu số 01

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 07 /2017/NQ-HĐND ngày 10/12/2017 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất các các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Trong đó		
									Thu hồi các khoản tạm ứng	Thanh toán nợ XDCB	
	TỔNG SỐ						**55.900**	**55.900**	**-**	**-**	
A	**VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**						**32.000**	**32.000**			
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thuộc chương trình 135**						**12.000**	**12.000**			
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**						**20.000**	**20.000**			
B	**Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu**		**52.501**	**34.500**	**20.600**	**10.600**	**23.900**	**23.900**			
I	**Chương trình phát triển kinh tế- xã hội các vùng**		**36.808**	**25.000**	**14.600**	**4.600**	**20.400**	**20.400**			
	Dự án chuyển tiếp		**36.808**	**25.000**	**14.600**	**4.600**	**20.400**	**20.400**			
1	Đường ĐH 312 từ xã Phú Riềng đi xã Phú Trung huyện Bù Gia Mập	3751/QĐ-UBND 28/10/2014	36.808	25.000	14.600	4.600	20.400	20.400			UBND huyện (BQLDAXD điều hành dự án)

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất các các nguồn vốn)	Trong đó NSTW				Tổng số	Trong đó		
									Thu hồi các khoản tạm ứng	Thanh toán nợ XDCB	
II	**Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương**		**15.693**	**9.500**	**6.000**	**6.000**	**3.500**	**3.500**			
1	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập	2277/QĐ-UBND 24/10/2014	15.693	9.500	6.000	6.000	3.500	3.500			UBND huyện (BQLDAXD điều hành dự án)

Biểu số 02

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn								Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Trong đó					
										Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	
	TỔNG SỐ		**684.440**	**183.486**	**401.484**	**424.454**	**99.000**	**100.000**	**225.454**	**11.970**	**3.000**	**89.684**	**37.800**	**83.000**	
	Phân bổ		**684.440**	**183.486**	**387.440**	**410.410**	**92.578**	**92.378**	**225.454**	**11.970**	**3.000**	**89.684**	**37.800**	**83.000**	
A	**Vốn phân cấp huyện quản lý**		**367.770**	**129.810**	**164.956**	**184.956**	**92.578**	**92.378**				**-**	**-**	**-**	
I	**Vốn cân đối theo tiêu chí**		**173.654**	**46.346**	**92.578**	**92.578**	**92.578**								
1	**Thanh toán nợ đọng XDCB**		**23.580**	**16.208**	**3.955**	**4.024**	**4.024**								
a	**Giao thông - vận tải**		**23.580**	**16.208**	**3.955**	**4.024**	**4.024**								
1	XD các tuyến đường khu I(tuyến D11, D12, D14, D15)	3352/QĐ-UBND 07/8/2012	11.838	7.008	1.500	1.500	1.500								BQLDAXD huyện
2	Hệ thống phòng cháy chữa cháy, chống sét	3719/QĐ-UBND 22/11/2011	3.944	2.000	1.377	1.259	1.259								BQLDAXD huyện
3	Đường nhựa vào bãi rác xã Đăk Ơ	3589/QĐ-UBND 25/10/2011	7.798	7.200	328	328	328								BQLDAXD huyện
4	Sân bãi đường nội bộ 03 khu trụ sở	953/QĐ-UBND 30/03/2011	19.427	14.500	750	937	937								BQLDAXD huyện
2	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**54.224**	**30.138**	**14.842**	**12.752**	**12.752**								
a	***Giao thông - vận tải***		***32.403***	***17.516***	***10.196***	***7.272***	***7.272***								
1	XD các tuyến đường khu I (tuyến D11, D12, D14, D15)	3352/QĐ-UBND 07/8/2012	11.838	7.008	2.986	-	-								BQLDAXD huyện

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn									Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Trong đó						
										Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp		
2	Tuyến N18, B1	3077/QĐ-UBND 22/10/2013	11.915	6.508	4.209	4.181	4.181									BQLDAXD huyện
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT760 (từ đường ĐT 741 đến trụ sở TT dạy nghề huyện Bù Gia Mập	3735a/QĐ-UBND 24/10/2014	2.636	2.000	501	501	501									BQLDAXD huyện
4	XD các tuyến đường khu I-Tuyến N9*,N10, N10*	1631/QĐ-UBND 18/6/2014	6.014	2.000	2.500	2.590	2.590									BQLDAXD huyện
b	***Giáo dục - đào tạo***		***5.972***	***4.300***	***1.386***	***1.386***	***1.386***									
1	XD 04 phòng học trường MG Tuổi Thơ	3742/QĐ-UBND 24/10/2014	1.405	1.000	350	350	350									BQLDAXD huyện
2	XD 04 phòng học lầu trường TH&THCS Trần Phú	3740/QĐ-UBND 24/10/2014	1.521	1.100	334	334	334									BQLDAXD huyện
3	Xây dựng 04 phòng học lầu trường TH Long Hưng A	3740a/QĐ-UBND 24/10/2014	1.578	1.100	412	412	412									BQLDAXD huyện
4	XD 04 phòng học lầu trường TH Nguyễn Thị Minh Khai xã Bình Sơn	3741/QĐ-UBND 24/10/2014	1.468	1.100	290	290	290									BQLDAXD huyện
c	***Quản lý nhà nước***		***11.395***	***8.322***	***2.260***	***2.351***	***2.351***									
1	XD nhà khối đoàn thể	3596/QĐ-UBND 28/10/2011	6.190	4.600	1.051	1.108	1.108									BQLDAXD huyện

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn								Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Trong đó					
										Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	
2	Trung tâm dân số	3737/QĐ-UBND 24/10/2014	2.521	1.500	988	988	988								BQLDAXD huyện
3	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng Trụ sở xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập	1563/QĐ-UBND 11/8/2010	2.684	2.222	221	255	255								BQLDAXD huyện
d	*Văn hóa - xã hội*		*4.454*	-	*1.000*	*1.743*	*1.743*								
1	XD nhà Bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Bù Gia Mập	1958/QĐ-UBND 11/5/2015	4.454	0	1.000	1.743	1.743								BQLDAXD huyện
3	**Dự án khởi công mới**		**95.850**	-	**73.781**	**75.802**	**75.802**								
a	**Giáo dục - Đào tạo**		**45.949**	-	**36.000**	**33.200**	**33.200**								
1	Xây dựng trường TH Đakia A	4268/QĐ-UBND 29/10/2015	2.279	0	1.000	1.000	1.000								BQLDAXD huyện
2	XD trường MG Đức Hạnh	4269/QĐ-UBND 29/10/2015	1.422	0	1.000	1.000	1.000								BQLDAXD huyện
3	XD trường THCS Bình Thắng	2856/QĐ-UBND 28/10/2016	3.840		2.400	3.600	3.600								BQLDAXD huyện
4	Xây dựng mới trường Tiểu học Bình Thắng B	2055/QĐ-UBND 30/10/2017	4.000		3.500	3.500	3.500								BQLDAXD huyện
5	Xây dựng 8 phòng học lầu trường TH Đăk Á		4.000		3.800	3.800	3.800								BQLDAXD huyện
6	Xây dựng 08 phòng học lầu trường TH Bù Gia Mập		4.000		3.800	3.800	3.800								BQLDAXD huyện
7	Xây dựng trường mẫu giáo Măng Non (08 phòng)	2056/QĐ-UBND 30/10/2017	3.719		2.500	3.000	3.000								BQLDAXD huyện

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn								Chủ đầu tư
										Trong đó					
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	
8	Xây dựng trường TH Đakia B	2054/QĐ-UBND 30/10/2017	3.389		3.500	3.000	3.000								BQLDAXD huyện
9	Xây dựng trường TH Đakia C		6.000		5.000	-	-								BQLDAXD huyện
10	Xây dựng trường MG Ánh Dương		5.000		2.500	4.500	4.500								BQLDAXD huyện
11	Xây dựng 8 phòng học lầu trường TH Hoàng Diệu		4.000		3.500	3.500	3.500								BQLDAXD huyện
12	XD 04 phòng học trường TH Ngô Quyền		1.500		1.000	-	-								BQLDAXD huyện
13	Xây dựng trường Mầm non Hoạ My (điểm mới)		2.800		2.500	2.500	2.500								BQLDAXD huyện
b	**Quản lý nhà nước**		**11.180**	**-**	**8.181**	**9.155**	**9.155**								
1	Xây dựng Trụ sở UBND xã Bình Thắng	3110/QĐ-UBND 24/10/2013	2.681		2.681	2.655	2.655								BQLDAXD huyện
2	XD trụ sở UBND xã Bù Gia Mập	2857/QĐ-UBND 28/10/2016	4.999		2.000	3.000	3.000								UBND xã Bù Gia Mập
3	Xây dựng trụ sở UBND xã Phú Nghĩa		3.500		3.500	3.500	3.500								UBND xã Phú Nghĩa
c	**Giao thông - vận tải**		**37.521**	**-**	**28.400**	**32.247**	**32.247**								
1	Láng nhựa tuyến đường từ ngã tư trung tâm thôn Bù Khơn đến Hội trường thôn Bù Khơn (cũ) và láng nhựa nối tiếp tuyến đường từ Bù Khơn đi Bù Bưng	4270/QĐ-UBND 29/10/2015	1.369		1.000	1.000	1.000								UBND xã Đăk Ơ

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn									Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Trong đó						
										Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	
2	Xây dựng đường và cầu chợ Phú Văn đi thôn Đắk Son	4285/QĐ-UBND 30/10/2015	4.977		4.800	4.647	4.647								BQLDAXD huyện
3	Láng nhựa đường GTNT thôn Bù Cà Mau (từ nhà Sơn Lan đến hội trường thôn) xã Phú Nghĩa	4271/QĐ-UBND 29/10/2015	1.333		1.000	1.000	1.000								UBND xã Phú Nghĩa
4	Láng nhựa đường 19/5 xã Đức Hạnh nhánh 2	2855/QĐ-UBND 28/10/2016	6.642		4.000	6.500	6.500								BQLDAXD huyện
5	XD đường N19 TTHC huyện dài 550m	655/QĐ-UBND 03/4/2014	4.500		1.500	4.000	4.000								BQLDAXD huyện
6	XD đường N13 TTHC huyện (dài 602m)		2.500		1.000	2.000	2.000								BQLDAXD huyện
7	Láng nhựa đường thôn 3 đến trung tâm xã Bình Thắng	2057/QĐ-UBND 31/10/2017	5.000		3.000	4.000	4.000								BQLDAXD huyện
8	Láng nhựa đường Bình Hà đến trung tâm xã Đa kia (6km)		-		6.000	-	-								BQLDAXD huyện
9	XD đường N6, N3, D6, D4 khu III, TTHC huyện (1.250m)		3.500		2.000	3.000	3.000								BQLDAXD huyện
10	XD đường thôn Đăk Côn đến TT xã Bù Gia Mập (3Km)		4.000		3.000	3.000	3.000								BQLDAXD huyện
11	Xây dựng đường N4, D3 (từ NB đến N4) thuộc dự án các tuyến đường giao thông, vỉa hè, thoát nước khu dân cư (khu phía Tây và khu II) TTHC huyện	2057/QĐ-UBND 30/10/2017	1.200		1.100	1.100	1.100								BQLDAXD huyện

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn									Chủ đầu tư
										Trong đó						
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp		
12	Xây dựng đường D17, D18, D19 thuộc dự án các tuyến đường giao thông, vỉa hè, thoát nước khu dân cư (khu phía Tây và khu II) TTHC huyện		2.500	-	-	2.000	2.000									BQLDAXD huyện
d	***Khoa học - công nghệ***		***1.200***		***1.200***	***1.200***	***1.200***									Phòng KT&HT
2	**Vốn thu tiền sử dụng đất**		**194.116**	**83.464**	**72.378**	**92.378**	**-**	**92.378**				**-**	**-**	**-**		
2.1	**Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020**		**108.848**	**83.464**	**12.178**	**13.418**	**-**	**13.418**								
a	**Giao thông - vận tải**		**101.289**	**76.964**	**11.678**	**12.642**		**12.642**								
1	XD các tuyến đường khu I (tuyến D10)	3351/QĐ-UBND 17/8/2012	10.769	8.964	728	728		728								BQLDAXD huyện
2	XD các tuyến đường khu I (tuyến N8)	3348/QĐ-UBND 06/8/2012	14.536	11.400	1.632	1.702		1.702								BQLDAXD huyện
3	Tuyến N11	1673/QĐ-UBND 28/06/2013	18.848	13.000	3.034	5.400		5.400								BQLDAXD huyện
4	XD các tuyến đường khu I (tuyến N9)	3349/QĐ-UBND 06/8/2012	25.244	20.400	3.691	3.480		3.480								BQLDAXD huyện
5	Sân bãi đường nội bộ 03 khu trụ sở	953/QĐ-UBND 30/3/2011	19.427	14.500	1.761	500		500								BQLDAXD huyện
6	XD hàng rào và công trình phụ 03 khu trụ sở thuộc dự án khu trụ sở hành chính huyện Bù Gia Mập	3448/QĐ-UBND 16/8/2012	12.465	8.700	832	832		832								BQLDAXD huyện
b	**Giáo dục - đào tạo**		**7.559**	**6.500**	**500**	**776**	**-**	**776**								

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn									Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Trong đó						
										Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp		
1	Xây dựng trường cấp II Đắk Ơ	3078/QĐ-UBND 22/10/2013	7.559	6.500	500	776		776								UBND xã Đăk Ơ
2.2	**Dự án khởi công mới**		**85.268**	**-**	**60.200**	**78.960**	**-**	**78.960**				**-**	**-**	**-**		
a	**Giao thông - vận tải**		**54.983**	**0**	**47.000**	49.760	**0**	**49.760**								
1	Láng nhựa đường GTNT đội 2 thôn Sơn Trung xã Đức Hạnh	4258/QĐ-UBND 29/10/2015	1.342		1.000	1.000		1.000								UBND xã Đức Hạnh
2	Láng nhựa đường GTNT tổ 8 Cây Da xã Bù Gia Mập	4256/QĐ-UBND 29/10/2015	1.210		500	500		500								UBND xã Bù Gia Mập
3	XD đường D2, D3, NB Khu II, TTHC huyện	655/QĐ-UBND 03/4/2014	2.063		1.000	2.000		2.000								BQLDAXD huyện
4	XD tuyến đường N18 nối dài	655/QĐ-UBND 03/4/2014	2.703		2.000	2.700		2.700								BQLDAXD huyện
5	Đường vành đai TTHC huyện	2701/QĐ-UBND 05/10/2016	6.065		5.500	5.800		5.800								BQLDAXD huyện
13	Xây dựng đường giao thông nông thôn 8 xã theo phân cấp (8 xã x 1km x 4 năm)		41.600		31.000	31.000		31.000								UBND các xã (1.000 tỷ đồng/xã/năm)
14	Đường nhựa thôn Bù Tam - Bình Giai xã Phước Minh		7.000		6.000	6.760		6.760								BQLDAXD huyện
b	**Giáo dục - đào tạo**		**30.285**	**-**	**13.200**	**29.200**	**-**	**29.200**				**-**	**-**	**-**		
1	Xây dựng Trường TH Bình Thắng A	4272/QĐ-UBND 29/10/2015	2.285		1.200	1.200		1.200								BQLDAXD huyện
2	XD trường TH Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập		10.000		8.000	10.000		10.000								BQLDAXD huyện

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn									Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Trong đó						
										Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp		
3	XD trường THCS Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập		8.000		4.000	8.000		8.000								BQLDAXD huyện
4	Xây dựng trường Mầm Non Bình Thắng		10.000		-	10.000		10.000								BQLDAXD huyện
B	**Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ**		**316.670**	**53.676**	**222.484**	**225.454**	-	-	**225.454**	**11.970**	**3.000**	**89.684**	**37.800**	**83.000**		
I	**Dự án chuyển tiếp**		**85.670**	**53.676**	**25.184**	**28.154**	-	-	**28.154**	**11.970**	-	**16.184**	-	-		
1	**Y tế**		**28.400**	**10.600**	**16.184**	**16.184**	-	-	**16.184**	-	-	**16.184**	-	-		
1.1	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập	2277/QĐ-UBND 24/10/2014	6.193		6.184	6.184			6.184			6.184				UBND huyện (BQLDA điều hành dự án)
1.2	Trung tâm y tế huyện Bù Gia Mập	637/QĐ-UBND 24/4/2013	8.237	4.600	3.000	3.000			3.000			3.000				UBND huyện (BQLDA điều hành dự án)
1.3	Xây dựng bệnh viện đa khoa Bù Gia Mập	3743/QĐ-UBND 24/10/2014	13.970	6.000	7.000	7.000			7.000			7.000				UBND huyện (BQLDA điều hành dự án)
2	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg ngày 17/10/2007)		5.000	-	5.000	5.000	-		5.000	5.000						
2.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã Đăk Ơ		2.500		2.500	2.500			2.500	2.500						UBND xã Đăk Ơ
2.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã Bù Gia Mập		2.500		2.500	2.500			2.500	2.500						UBND xã Bù Gia Mập

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn								Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Trong đó					
										Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	
3	Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS và hộ nghèo xã, bản ĐBKK theo Quyết định số 755/QĐ-TTg		4.000		4.000	4.000			4.000	4.000					Phòng dân tộc
4	Trụ sở HĐND-UBND huyện Bù Gia Mập	938/QĐ-UBND 29/03/2011	48.270	43.076	-	2.970			2.970	2.970					UBND huyện (BQLDAXD huyện điều hành dự án)
II	**Công trình khởi công mới**		**231.000**	-	**197.300**	**197.300**	-	-	**197.300**	-	**3.000**	**73.500**	**37.800**	**83.000**	
a	***Giao thông - vận tải***		***42.000***	-	***37.800***	***37.800***	-	-	***37.800***	-	-	-	***37.800***	-	
1	Đường từ ĐT 741 đến đội 6 Bù Gia Phúc, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	2395/QĐ-UBND 30/10/2015	12.000		10.800	10.800			10.800				10.800		UBND huyện (BQLDAXD huyện điều hành dự án)
2	Cầu bắc qua sông bé trên ĐT 760 nối dài		30.000		27.000	27.000			27.000				27.000		UBND huyện (BQLDAXD huyện điều hành dự án)
b	***Giáo dục- đào tạo***		***164.000***	-	***137.500***	***137.500***	-	-	***137.500***	-	***3.000***	***51.500***	-	***83.000***	
1	Trường mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	2655a/QĐ-UBND 25/10/2016	20.000		18.000	18.000			18.000		3.000	12.000		3.000	UBND huyện (BQLDA điều hành dự án)

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết 2015	Kế hoạch đã thông qua HĐND huyện (theo NQ 08 và NQ 03)	Kế hoạch điều chỉnh	Chia ra nguồn								Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Vốn trong cân đối	Tiền sử dụng đất	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	Trong đó					
										Vốn đầu tư trong cân đối	Vốn sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Vay kiên cố hóa kênh mương, GTNT	Hỗ trợ TP. Hồ Chí Minh và doanh nghiệp	
2	Trường tiểu học Trương Định huyện Bù Gia Mập	2655/QĐ-UBND 25/10/2016	24.000		21.500	21.500			21.500			21.500			UBND huyện (BQLDA điều hành dự án)
3	Trường TH Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập		5.000		4.500	4.500			4.500			4.500			UBND huyện (BQLDA điều hành dự án)
4	Trường THCS Đăk Ơ huyện Bù Gia Mập		5.000		4.500	4.500			4.500			4.500			UBND huyện (BQLDA điều hành dự án)
5	Trường THCS Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập		10.000		9.000	9.000			9.000			9.000			UBND huyện (BQLDA điều hành dự án)
6	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	401a/HĐND-KT 26/10/2016	100.000		80.000	80.000			80.000					80.000	UBND huyện (BQLDAXD huyện điều hành dự án)
c	***Văn hóa - xã hội***		***25.000***	*-*	***22.000***	***22.000***	*-*	*-*	***22.000***			***22.000***			
1	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập		25.000		22.000	22.000			22.000			22.000			UBND huyện (BQLDA điều hành dự án)